

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI  
KHOA KINH TẾ - LUẬT**

**BẢN MÔ TẢ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
NGÀNH KINH TẾ  
2019**

# MỤC LỤC

<b>I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b> .....	<b>3</b>
1. Giới thiệu chương trình đào tạo.....	3
2. Thông tin chung .....	3
3. Sứ mạng và tầm nhìn của Trường .....	4
3.1 <i>Sứ mạng</i> .....	4
3.2 <i>Tầm nhìn</i> .....	4
4. Mục tiêu của chương trình đào tạo .....	5
4.1. <i>Mục tiêu chung</i> .....	5
4.2. <i>Mục tiêu cụ thể</i> .....	5
5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	6
5.1. <i>Chuẩn đầu ra về kiến thức</i> .....	6
5.2. <i>Chuẩn đầu ra về kỹ năng</i> .....	7
5.3. <i>Chuẩn đầu ra về thái độ</i> .....	7
5.4. <i>Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ tự và trách nhiệm</i> .....	8
6. Cơ hội việc làm và khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra tốt nghiệp .....	8
6.1. <i>Cơ hội việc làm</i> .....	8
6.2. <i>Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp</i> .....	8
7. Tiêu chí tuyển sinh, quy trình đào tạo học thuật, yêu cầu tốt nghiệp .....	9
7.1. <i>Tiêu chí tuyển sinh</i> .....	9
7.2. <i>Quá trình đào tạo</i> .....	9
7.3. <i>Điều kiện tốt nghiệp</i> .....	9
8. Phương pháp giảng dạy, học tập.....	9
8.1. <i>Các phương pháp dạy</i> .....	10
8.2. <i>Các phương pháp học tập</i> .....	10
8.3. <i>Phương pháp đánh giá</i> .....	10
9. Ma trận giữa chuẩn đầu ra và các học phần trong chương trình đào tạo .....	11
10. Hệ thống tính điểm .....	20
<b>II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY</b> .....	<b>21</b>
1. Cấu trúc.....	21
2. Lộ trình giảng dạy .....	21
3. Mô tả vắn tắt các học phần trong chương trình đào tạo đại học ngành Kinh tế chuyên ngành Quản lý kinh tế .....	21
4. Chương trình thực tập tốt nghiệp .....	41
5. Hoạt động ngoại khóa.....	42
6. Hoạt động NCKH .....	42
7. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo .....	42

## BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KINH TẾ

### I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế được xây dựng dựa trên những thế mạnh vốn có của trường Đại học Thương mại trong suốt lịch sử hình thành và phát triển, đó là thế mạnh về đào tạo kinh tế và thương mại; đồng thời cũng nhằm phát triển trường Đại học Thương thành một trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực. Chương trình được thiết kế dựa trên thực tiễn các vấn đề quản lý kinh tế đặt ra tại doanh nghiệp và ở các cấp độ khác nhau của nền kinh tế quốc dân. Mục đích của chương trình là cung cấp nguồn nhân lực quản lý kinh tế chất lượng cao phục vụ tiến trình đổi mới kinh tế và hội nhập quốc tế sâu rộng của Việt Nam. Điểm nổi bật của chương trình là có tính hội nhập quốc tế, trang bị cho người học những kiến thức cập nhật, thực tiễn, đồng thời có những kiến thức căn bản để phát triển sang các ngành đào tạo khác và các bậc học cao hơn của trường Đại học Thương mại và các trường đại học khác khối ngành Kinh tế và Quản trị kinh doanh trong và ngoài nước.

#### 2. Thông tin chung

**Bảng 1. Thông tin chung về chương trình đào tạo**

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	<b>Quản lý kinh tế</b>
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	
3. Mã ngành đào tạo:	<b>7310101</b>
4. Trường cấp bằng:	Trường Đại học Thương mại
5. Tên gọi văn bằng:	Cử nhân kinh tế
6. Trình độ đào tạo:	Đại học
7. Số tín chỉ yêu cầu:	120 tín chỉ (không kể các môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)
8. Khoa quản lý:	Khoa Kinh tế - Luật – Trường Đại học Thương mại

9. Hình thức đào tạo:	Chính quy
10. Thời gian đào tạo:	4 năm ( <i>Sinh viên có thể rút ngắn thời gian học lên tới 3 năm hoặc kéo dài tối đa đến 7 năm dựa trên khả năng và điều kiện học tập của họ</i> )
11. Đối tượng tuyển sinh:	Theo qui chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính qui hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đạt chuẩn điểm chuẩn theo qui định của Trường Đại học Thương mại.
12. Ngôn ngữ:	Tiếng Việt
13. Website:	<a href="http://kinhteluat.tmu.edu.vn/">http://kinhteluat.tmu.edu.vn/</a>
14. Thang điểm đánh giá:	10
15. Điều kiện tốt nghiệp:	Theo Quy định Đào tạo theo hệ thống tín chỉ; Quy định về hoạt động khảo thí hiện hành của Trường Đại học Thương mại (Các Quy định hiện hành về đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ: <i>QĐ Số: 555/QĐ-ĐHTM ngày 16/08/2013; QĐ Số: 247/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/04/2017; QĐ Số: 598/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 12/09/2017; QĐ Số: 432/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 09/04/2019; Quy định về hoạt động khảo thí ban hành kèm theo QĐ Số 923/QĐ-ĐHTM ngày 16/08/2019</i> ).

### **3. Sứ mạng và tầm nhìn của Trường**

#### **3.1 Sứ mạng**

Trường Đại học Thương mại là trường đại học công lập, tự chủ, đa ngành; có thế mạnh và uy tín cao trong đào tạo đại học, sau đại học; nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ, tri thức trong các lĩnh vực kinh tế và thương mại hiện đại đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

#### **3.2 Tầm nhìn**

Tầm nhìn đến năm 2040 phát triển Trường Đại học Thương mại theo mô hình “Trường đại học tự chủ, tự chịu trách nhiệm” với chất lượng các nguồn lực và năng lực cốt lõi để trở thành:

- Một trung tâm đào tạo chất lượng cao các trình độ cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ với chương trình đào tạo tiên tiến; đội ngũ giảng viên có trình độ học thuật và sư phạm cao;

- Một trung tâm nghiên cứu, hợp tác trong nước và quốc tế; chuyển giao khoa học công nghệ, tri thức có uy tín cao trong lĩnh vực kinh tế và thương mại hiện đại của quốc gia và quốc tế;

- Một trường đại học triển khai thành công mô hình quản trị đại học tiên tiến, phát triển hệ thống công nghệ thông tin và quản lý hiện đại, kết hợp thực hành văn hóa tổ chức, nhấn mạnh các giá trị truyền thống, trách nhiệm và sáng tạo; lấy sự hài lòng của người học về chất lượng và giá trị dịch vụ đào tạo, sự gắn bó và đoàn kết của viên chức Nhà trường làm tiêu điểm;

- Một trường đại học có vị thế và thương hiệu mạnh dựa trên giá trị dịch vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học; có uy tín cao, hình ảnh thân thiện với các đối tác và cộng đồng xã hội;

- Một trường đại học được đánh giá và thừa nhận là một trong các trường đại học dẫn đầu về chất lượng toàn diện các hoạt động trong kiểm định và xếp hạng trường đại học Việt Nam, đáp ứng tiêu chuẩn kiểm định quốc tế.

#### **4. Mục tiêu của chương trình đào tạo**

##### **4.1. Mục tiêu chung**

CTĐT ngành Kinh tế của Trường ĐHTM có mục tiêu là đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có thái độ đúng đắn, có năng lực tự chủ và trách nhiệm, có năng lực tự học và học tập suốt đời, có sức khỏe tốt; nắm vững những kiến thức cơ bản và hiện đại về kinh tế - xã hội; có năng lực chuyên môn sâu về phân tích và quản lý kinh tế; có khả năng tiếp cận và tham gia phân tích, hoạch định chính sách, tổ chức quản lý và giải quyết các vấn đề kinh tế tại doanh nghiệp và ở các cấp độ khác nhau của nền kinh tế quốc dân.

##### **4.2. Mục tiêu cụ thể**

- **Về kiến thức:** Chương trình cung cấp những kiến thức giáo dục đại cương cần thiết thuộc khối ngành Kinh tế. Có kiến thức nền về kinh tế - xã hội hiện đại; kiến thức chuyên sâu về kinh tế và quản lý kinh tế; có khả năng tiếp cận và tham gia phân tích và hoạch định chính sách, tổ chức quản lý và giải quyết các vấn đề kinh tế tại doanh nghiệp và ở các cấp độ khác nhau của nền kinh tế quốc dân. Có kiến thức căn bản để phát triển sang các ngành đào tạo khác và các bậc học cao hơn của trường Đại học Thương mại và các trường đại học khác khối ngành Kinh tế và Quản trị kinh doanh trong và ngoài nước.

##### **- Về kỹ năng:**

+ Có kỹ năng thu thập thông tin, phân tích và đánh giá tác động của môi trường kinh tế - xã hội, đặc biệt là các công cụ quản lý nhà nước đến các lĩnh vực hoạt động của nền kinh tế;

+ Có kỹ năng nghiên cứu và dự báo kinh tế; nghiên cứu và phân tích các vấn đề kinh tế, hiệu quả sử dụng các nguồn lực của doanh nghiệp;

+ Có kỹ năng phân tích, hoạch định, tổ chức và quản lý chính sách kinh tế ở các cấp độ khác nhau của nền kinh tế và tại doanh nghiệp;

+ Có kỹ năng tổng hợp, lập báo cáo các vấn đề nghiên cứu về kinh tế và quản lý kinh tế ở các cấp độ khác nhau của nền kinh tế và tại doanh nghiệp;

+ Có kỹ năng sử dụng các phương pháp định lượng và định tính trong phân tích các vấn đề kinh tế và quản lý kinh tế.

+ Các kỹ năng cơ bản về phương pháp công tác: Kỹ năng giao tiếp và truyền thông các chính sách, công cụ quản lý; kỹ năng diễn đạt vấn đề kinh tế, quản lý kinh tế bằng văn bản và thuyết trình; kỹ năng làm việc nhóm trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề về kinh tế và quản lý kinh tế.

+ Đạt chuẩn Tiếng Anh theo Quy định 979/QĐ-ĐHTM ngày 15/11/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại (trình độ tiếng Anh Bậc 3 khung năng lực 6 bậc hoặc tương đương trở lên).

+ Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định QĐ 634/QĐ-ĐHTM ngày 26/9/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại.

#### **- Về thái độ:**

+ Nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước nói chung và trong quản lý kinh tế nói riêng. Có lập trường, tư tưởng vững vàng, đạo đức và lối sống lành mạnh.

+ Có tính thần lao động say mê, sáng tạo, lòng yêu nghề; ý thức vì cộng đồng và bảo vệ môi trường.

+ Có hành vi đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực, tác phong làm việc chuyên nghiệp, khiêm tốn, trung thực, khách quan, giản dị và cầu thị.

+ Có ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, biết phát huy các giá trị văn hoá truyền thống.

+ Luôn cập nhật kiến thức mới, ứng dụng sáng tạo những tiến bộ khoa học trong công việc được giao.

### **5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

#### **5.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức**

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành kinh tế, sinh viên có những khả năng sau:

- Nắm vững kiến thức căn bản và hiện đại về kinh tế và quản lý kinh tế, bao gồm: Kiến thức về lịch sử và tầm ảnh hưởng của các học thuyết kinh tế; những nguyên lý cơ bản về kinh tế học và ứng dụng nó trong quản lý kinh tế; mô hình và cơ chế pháp lý, hệ thống thông tin quản lý, chính phủ điện tử trong vận hành hệ thống cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

- Có kiến thức chuyên sâu và thực tiễn quản lý nhà nước về kinh tế theo ngành, địa phương và vùng lãnh thổ và quản lý kinh tế của doanh nghiệp; có những kiến thức cần thiết để phân tích, đánh giá và dự báo kinh tế, vận dụng sáng tạo trong hoạch định chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế ở cả tầm vĩ mô và trong doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

- Có kiến thức về các kỹ thuật và phương pháp phân tích định lượng trong quản lý kinh tế và đầu tư; có kiến thức và khả năng áp dụng các chính sách, qui định pháp luật kinh tế trong quản lý và kinh doanh quốc tế ở cả tầm vĩ mô và doanh nghiệp.

- Có kiến thức bổ trợ và phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế và quản trị kinh doanh của Trường Đại học Thương mại.

### **5.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng**

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn các kỹ năng chung căn bản của ngành kinh tế và kỹ năng chuyên sâu của chuyên ngành quản lý kinh tế. Cụ thể:

- Kỹ năng thu thập thông tin, phân tích và đánh giá tác động của môi trường kinh tế - xã hội, đặc biệt là các công cụ quản lý nhà nước đến các lĩnh vực hoạt động của nền kinh tế;

- Kỹ năng nghiên cứu và dự báo kinh tế; nghiên cứu và phân tích các vấn đề kinh tế, hiệu quả sử dụng các nguồn lực của doanh nghiệp;

- Kỹ năng phân tích, hoạch định, tổ chức và quản lý chính sách kinh tế ở các cấp độ khác nhau của nền kinh tế và tại doanh nghiệp;

- Kỹ năng tổng hợp, lập báo cáo các vấn đề nghiên cứu về kinh tế và quản lý kinh tế ở các cấp độ khác nhau của nền kinh tế và tại doanh nghiệp;

- Kỹ năng sử dụng các phương pháp định lượng và định tính trong phân tích các vấn đề kinh tế và quản lý kinh tế.

- Các kỹ năng cơ bản về phương pháp công tác: Kỹ năng giao tiếp và truyền thông các chính sách, công cụ quản lý; kỹ năng diễn đạt vấn đề kinh tế, quản lý kinh tế bằng văn bản và thuyết trình; kỹ năng làm việc nhóm trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề về kinh tế và quản lý kinh tế.

- Có khả năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn, đạt chuẩn tiếng Anh theo Qui định 979/QĐ-ĐHTM ngày 15/11/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại (trình độ tiếng Anh bậc 3 khung năng lực 6 bậc hoặc tương đương trở lên).

- Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học văn phòng, đồng thời có thể sử dụng phần mềm chuyên dùng cho ngành /chuyên ngành đào tạo, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Qui định QĐ 634/QĐ-ĐHTM ngày 26/9/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại.

### **5.3. Chuẩn đầu ra về thái độ**

Sinh viên sau khi tốt nghiệp phải đạt được các chuẩn về thái độ, hành vi sau:

- Nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước nói chung và trong quản lý kinh tế nói riêng. Có lập trường, tư tưởng vững vàng, đạo đức và lối sống lành mạnh.

- Có tính thần lao động say mê, sáng tạo, lòng yêu nghề; ý thức vì cộng đồng và bảo vệ môi trường.

- Có hành vi đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực, tác phong làm việc chuyên nghiệp, khiêm tốn, trung thực, khách quan, giản dị và cầu thị.

- Có ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, biết phát huy các giá trị văn hoá truyền thống.

- Luôn cập nhật kiến thức mới, ứng dụng sáng tạo những tiến bộ khoa học trong công việc được giao.

#### **5.4. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ tự và trách nhiệm**

- Có tính thần độ lập, tự chủ, có khả năng làm việc theo nhóm.

- Đủ sức khỏe và nghị lực để làm việc trong môi trường cạnh tranh, hội nhập và phát triển.

- Nắm vững và có khả năng chủ động cập nhật, vận dụng các kiến thức và qui định pháp luật liên quan để giải quyết công việc theo chức trách được giao.

- Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn, đề xuất những sáng kiến có giá trị.

### **6. Cơ hội việc làm và khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra tốt nghiệp**

#### **6.1. Cơ hội việc làm**

Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra ngành Kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế của Trường Đại học Thương mại có thể làm việc tại các bộ phận, cơ quan sau:

- Các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế các cấp, tại: Bộ phận hoạch định, tổ chức và kiểm tra thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế vĩ mô; Bộ phận hoạch định, tổ chức thực thi, kiểm tra, giám sát và phân tích, đánh giá thực thi chính sách về kinh tế, quản lý tài sản, ngân sách, thuế; Bộ phận tổ chức triển khai, theo dõi và thực thi hội nhập kinh tế, thương mại và đầu tư quốc tế; Bộ phận nghiên cứu, triển khai các chương trình xúc tiến thương mại, đầu tư vĩ mô và dự án đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội; Bộ phận đăng ký kinh doanh, quản lý thị trường, theo dõi và giám sát hoạt động kinh tế của doanh nghiệp theo địa bàn và ngành hàng.

- Các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế, tại: Bộ phận hoạch định chiến lược, kế hoạch, chính sách kinh doanh và thị trường của doanh nghiệp; Bộ phận triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh tế, tài chính, đầu tư và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp; Bộ phận phân tích các hoạt động kinh tế, quản lý sử dụng các nguồn lực và thông tin, tư vấn quản lý doanh nghiệp.

- Làm công tác nghiên cứu và giảng dạy tại các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng khối ngành kinh tế và quản trị kinh doanh; Các tổ chức quốc tế, các trung tâm nghiên cứu và tư vấn về kinh tế và quản lý kinh tế; Tự thành lập doanh nghiệp hoặc tổ chức kinh tế theo qui định của pháp luật.

#### **6.2. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế có khả năng:

- Học liên thông sang các ngành đào tạo khác ở trình độ đại học.

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) trong nước và các cơ sở đào tạo nước ngoài.



## **7. Tiêu chí tuyển sinh, quy trình đào tạo học thuật, yêu cầu tốt nghiệp**

### **7.1. Tiêu chí tuyển sinh**

Các đối tượng đủ điều kiện tuyển sinh vào đại học chính quy theo Quy chế hiện hành của Bộ giáo dục và Đào tạo.

- Tốt nghiệp THPT;
- Có điểm thi Tốt nghiệp THPT cao hơn hoặc bằng điểm chuẩn của Đại học Thương mại.

### **7.2. Quá trình đào tạo**

Chương trình đào tạo được xây dựng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Thương mại. Chương trình giảng dạy được xây dựng trên hệ thống tín chỉ cho phép sinh viên linh hoạt trong kế hoạch học tập cá nhân để có thể tốt nghiệp trong vòng 3 đến 7 năm.

Chương trình được thiết kế bao gồm 8 học kỳ chính, trong đó các học phần được phân bổ tương đối đồng đều trong các học kỳ từ học kỳ 1 đến học kỳ 8.

Tại Trường Đại học Thương mại, mỗi năm học bao gồm hai học kỳ chính (giữa tháng 8 đến cuối tháng 5) và học kỳ mùa hè (đầu tháng 6 đến hết tháng 7). Trong 1,5 năm đầu tiên, sinh viên sẽ học các khóa học khối kiến thức chung và các khóa học khối kiến thức nền tảng; các khóa học khối kiến thức chuyên ngành 2,5 năm tiếp theo; và sinh viên phải tham gia thực tập và làm Khóa luận tốt nghiệp trong học kỳ cuối.

### **7.3. Điều kiện tốt nghiệp**

Sinh viên muốn được trường xét tốt nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Trong thời gian học tập tối đa của khóa học (7 năm)
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo
- Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2.0 trở lên.
- Đạt trình độ tiếng Anh theo chuẩn đầu ra (Tiếng Anh trình độ Bậc 3 theo Thông tư 01/2014/TT-BGD&ĐT quy định về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (quy đổi tương đương sang một số chứng chỉ ngoại ngữ khác theo Thông tư số 05/2012/TT-BGD&ĐT ngày 15 tháng 2 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo))
- Được cấp chứng chỉ kỹ năng mềm theo quy định;
- Được đánh giá đạt các học phần Giáo dục quốc phòng an ninh, Giáo dục thể chất.
- Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

## **8. Phương pháp giảng dạy, học tập**

Về phương pháp dạy học có thể chia thành các nhóm sau, tùy theo điều kiện cụ thể mà từng bộ môn và giảng viên sẽ vận dụng các phương pháp thích hợp cho từng nội dung học phần và bài học:

### **8.1. Các phương pháp dạy**

+ *Phương pháp dạy lý thuyết và thực tiễn, rèn luyện kỹ năng:*

- Phương pháp chủ yếu là thuyết trình, mô hình hóa và cần kết hợp với các phương pháp khác,

- Phương pháp thảo luận và thảo luận nhóm các nội dung và các vấn đề lý luận và thực tiễn

- Phương pháp nêu và phân tích ví dụ minh họa/ vận dụng lý thuyết

- Phương pháp nghiên cứu tình huống và giải quyết tình huống

- Phương pháp nêu vấn đề và giải quyết vấn đề

- Phương pháp phát vấn

+ *Phương pháp thảo luận:*

- Phương pháp phân tích và giải quyết tình huống trên cơ sở đóng vai và làm việc nhóm

- Phương pháp trình bày, diễn giải, lập luận, xây dựng các minh chứng bảo vệ các ý kiến và giải pháp

- Phân tích các vấn đề lý luận và thực tiễn ở nhiều góc độ khác nhau và so sánh các tình thế và giải pháp ở các góc độ này

### **8.2. Các phương pháp học tập**

+ *Học trên lớp:*

- Phương pháp Động não, phương pháp giải quyết vấn đề được nêu phân tích các ví dụ hoặc các tình huống thực tế và kết hợp các phương pháp này

+ *Tự học ở ngoài giờ lên lớp:*

- Phương pháp tự đọc và tự nghiên cứu tài liệu lý luận và thực tiễn về vấn đề quản lý kinh tế trong phạm vi của một doanh nghiệp hay của một liên quan tới từng học phần.

- Phương pháp các tình huống của các DN và nhà nước đã và đang thực hiện

- Phương pháp nghiên cứu và giải quyết tình huống thực tiễn theo nhóm

### **8.3. Phương pháp đánh giá**

\*) **Phương pháp kiểm tra đánh giá:** chuyên cần, thảo luận, thực hành

Đánh giá với 03 nhóm điểm thành phần: *Chuyên cần, Thảo luận, thực hành.*

- *Đánh giá điểm chuyên cần:* chiếm 10% tổng điểm sinh viên đạt được của học phần

Tiêu chí đánh giá: gồm ba tiêu chí

+ *Chăm chỉ* - thể hiện ở mức độ có mặt đầy đủ các buổi học

+ *Nghiêm túc* – thể hiện ở thái độ tôn trọng giảng viên và lớp học, đi học đúng giờ giữ trật tự khi giảng viên và các bạn học thuyết trình, và không làm việc riêng, mang theo (tài liệu môn học có thể bản cứng hoặc bản mềm), ghi chép

+ *Tích cực* – thể hiện ở mức độ, thái độ tích cực tham gia đóng góp trong các buổi học

- *Đánh giá điểm phương pháp đổi mới*

- + Sinh viên *chủ động tham gia* vào bài học với các câu hỏi liên quan do sinh viên chủ động tìm hiểu nguồn dữ liệu bên ngoài không
- + Sinh viên có *kỹ năng trình bày và lập luận* vấn đề khi có thắc mắc về bài học một cách rõ ràng không
- + Sinh viên có ứng dụng các cách thức trình bày slide mới như kỹ năng photoshop, làm video vào việc thể hiện bài thảo luận không
- + Sinh viên có *tích cực chủ động, có tính sáng tạo* tham gia vào bài thảo luận không
- *Đánh giá bài kiểm tra và bài thi cuối học phần thi tự luận*: Căn cứ vào Barrem của bài thi; 3-3-4 theo kết cấu 03 câu của đề thi hết học phần
- + Sinh viên có trình bày được *các nội dung kiến thức cơ bản về lý thuyết* liên quan tới các vấn đề của môn học không, trình bày đủ ý, có tính logic, hệ thống không
- + Sinh viên có *liên hệ được các nội dung lý thuyết cơ bản* của học phần vào một doanh nghiệp mà sinh viên biết không
- + Sinh viên có *phân tích được các nội dung về lý thuyết sâu có lồng ghép các quan điểm cá nhân thể hiện được* sự hiểu biết liên quan đến học phần marketing không (gắn với đặc trưng của môn học)
- + Sinh viên có *vận dụng được thêm các kiến thức bổ trợ từ các học phần kinh tế, kinh doanh và các học phần thuộc khối quản trị* vào phần phân tích không (kiến thức về cạnh tranh, về luật kinh tế, marketing căn bản, kinh tế xã hội)
- + Sinh viên có thể liên hệ thực tế *phân tích và đề xuất liên quan đến một nội dung marketing với một doanh nghiệp/SF/thương hiệu cụ thể* không
- + Sinh viên có thể *phân tích, nhận định điểm mấu chốt và giải quyết các tình huống thực tế* liên quan các vấn đề của marketing với các dữ liệu tình huống được cung cấp không
- + Sinh viên có *vận dụng được các kiến thức thực tế đã tổng hợp và tích lũy* từ các học phần khác để giải quyết vấn đề liên quan nội dung của học phần
- *Đánh giá bài kiểm tra và bài thi cuối học phần thi trắc nghiệm*: thi đánh giá mức độ nhớ và suy luận của sinh viên

## **9. Ma trận giữa chuẩn đầu ra và các học phần trong chương trình đào tạo**

**Bảng 2: Ma trận chuẩn đầu ra về kiến thức**

<b>Chuẩn đầu ra</b>	<b>PL O1 .1</b>	<b>PL O1. 1.1</b>	<b>PL O1. 1.2</b>	<b>PL O1. 1.3</b>	<b>PL O1 .2</b>	<b>PL O1. 2.1</b>	<b>PL O1. 2.2</b>	<b>PL O1 .3</b>	<b>PL O1. 3.1</b>	<b>PL O1. 3.2</b>	<b>PL O1 .4</b>	<b>PL O1. 4.1</b>	<b>PL O1. 4.2</b>
Triết học Mác – Lênin	x												
Chủ nghĩa xã hội khoa học	x												
Tư tưởng Hồ Chí Minh	x												
Kinh tế chính trị Mác – Lênin		x											
Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		x											
Tiếng Anh 1													
Tiếng Anh 2													
Tiếng Anh 3													
Tin học quản lý											x		
Phương pháp nghiên cứu khoa học							x					x	
Pháp luật đại cương										x			
Toán đại cương													
Cơ sở văn hóa Việt Nam													
Lịch sử các học thuyết kinh tế		x											
Lịch sử kinh tế Việt Nam		x											
Giáo dục thể chất													
Giáo dục quốc phòng													
Kinh tế vi mô 1			x									x	x
Kinh tế vĩ mô 1			x									x	x
Kinh tế lượng								x					x
Nguyên lý quản lý kinh tế						x							x
Tiếng Anh chuyên ngành 1													
Tiếng Anh chuyên ngành 2													
Kinh tế vi mô 2					x								

Kinh tế vĩ mô 2					x							
Kinh tế phát triển						x				x		
Kinh tế môi trường					x							
Nguyên lý thống kê							x					
Kinh tế thương mại đại cương						x				x		x
Nhập môn tài chính - tiền tệ						x						x
Kinh tế nguồn nhân lực căn bản						x					x	
Luật hành chính				x						x		x
Kinh tế công cộng						x					x	x
Kinh tế đầu tư (*)						x	x		x	x	x	x
Quản lý nhà nước về kinh tế (*)	x				x	x					x	x
Chính sách kinh tế - xã hội	x										x	x
Quản lý phát triển kinh tế địa phương	x				x						x	x
Quản lý nhà nước về thương mại	x				x						x	x
Mô hình dự báo kinh tế - xã hội								x	x			x
Phân tích lợi ích và chi phí								x		x		x
Kinh tế học quản lý					x							x
Kinh tế doanh nghiệp						x				x		x
Luật kinh tế 1										x		x
Kế hoạch hóa phát triển								x				
Kinh tế quốc tế 1										x		
Kinh tế bất động sản	x									x		x
Tài chính quốc tế										x		



Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam																			
Tiếng Anh 1										X	X	X							
Tiếng Anh 2										X	X	X							
Tiếng Anh 3										X	X	X							
Tin học quản lý																X	X		
Phương pháp nghiên cứu khoa học						X													
Pháp luật đại cương																			
Toán đại cương																			
Cơ sở văn hóa Việt Nam																			
Lịch sử các học thuyết kinh tế																			
Lịch sử kinh tế Việt Nam																			
Giáo dục thể chất																			
Giáo dục quốc phòng																			
Kinh tế vi mô 1																			
Kinh tế vĩ mô 1																			
Kinh tế lượng							X												
Nguyên lý quản lý kinh tế			X																
Tiếng Anh chuyên ngành 1											X	X							
Tiếng Anh chuyên ngành 2											X	X							
Kinh tế vi mô 2																			
Kinh tế vĩ mô 2																			
Kinh tế phát triển																			
Kinh tế môi trường	X																		
Nguyên lý thống kê																			
Kinh tế thương mại đại cương																			
Nhập môn tài chính - tiền tệ																			
Kinh tế nguồn nhân lực căn bản																			
Chính phủ điện tử																			
Khởi sự kinh doanh																			
Luật hành chính																			

Kinh tế công cộng																			
Kinh tế đầu tư (*)																			
Quản lý nhà nước về kinh tế (*)																			
Chính sách kinh tế - xã hội	x																		
Quản lý phát triển kinh tế địa phương		x	x																
Quản lý nhà nước về thương mại																			
Các phương pháp và mô hình phân tích dự báo kinh tế - xã hội	x	x		x															
Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường		x	x			x													
Kinh tế học quản lý				x															
Kinh tế doanh nghiệp			x																
Luật kinh tế 1																			
Kế hoạch hóa phát triển																			
Kinh tế quốc tế 1																			
Quản lý đầu tư kinh doanh bất động sản																			
Tài chính quốc tế																			
Quản trị chiến lược																			
Quản trị dịch vụ																			
Kinh doanh quốc tế																			
Luật kinh tế 2																			
Pháp luật hợp đồng																			x
Thông kê kinh tế	x	x																	x
Hệ thống thông tin quản lý																			
Kiểm toán căn bản																			
Quản lý tài sản trí tuệ																			
Thị trường chứng khoán																			
Quản trị đa văn hóa																			x



Quản trị thương hiệu 1																				
Quản trị chuỗi cung ứng																				

(\*) là học phần chuyên ngành có báo cáo thực tế

**Bảng 4: Ma trận chuẩn đầu ra về thái độ**

<b>Học phần</b>	<b>Chuẩn đầu ra</b>	<b>PLO 3.1.1</b>	<b>PLO 3.1.2</b>	<b>PLO 3.2.1</b>	<b>PLO 3.2.2</b>	<b>PL O3. 3</b>	<b>PL O3. 4</b>	<b>PLO 3.5</b>
Triết học Mác – Lênin			x					
Chủ nghĩa xã hội khoa học		x					x	x
Tư tưởng Hồ Chí Minh		x	x					
Kinh tế chính trị Mác - Lênin		x						
Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		x						
Tiếng Anh 1								
Tiếng Anh 2								
Tiếng Anh 3								
Tin học quản lý								
Phương pháp nghiên cứu khoa học								
Pháp luật đại cương		x						
Toán đại cương								
Cơ sở văn hóa Việt Nam							x	
Lịch sử các học thuyết kinh tế								
Lịch sử kinh tế Việt Nam		x						
Giáo dục thể chất			x					
Giáo dục quốc phòng			x					
Kinh tế vi mô 1								
Kinh tế vĩ mô 1								
Kinh tế lượng								
Nguyên lý quản lý kinh tế								
Tiếng Anh chuyên ngành 1								
Tiếng Anh chuyên ngành 2								
Kinh tế vi mô 2								
Kinh tế vĩ mô 2								
Kinh tế phát triển					x			
Kinh tế môi trường					x			
Nguyên lý thống kê								
Kinh tế thương mại đại cương								
Nhập môn tài chính - tiền tệ								
Kinh tế nguồn nhân lực căn bản								
Chính phủ điện tử								
Khởi sự kinh doanh								

Luật hành chính							
Kinh tế công cộng							
Kinh tế đầu tư (*)							
Quản lý nhà nước về kinh tế (*)							
Chính sách kinh tế - xã hội							
Quản lý phát triển kinh tế địa phương							
Quản lý nhà nước về thương mại							
Các phương pháp và mô hình phân tích dự báo kinh tế - xã hội							
Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường							
Kinh tế học quản lý							
Kinh tế doanh nghiệp							
Luật kinh tế 1							
Kế hoạch hóa phát triển							
Kinh tế quốc tế 1							
Quản lý đầu tư kinh doanh bất động sản							
Tài chính quốc tế							
Quản trị chiến lược							
Quản trị dịch vụ							
Kinh doanh quốc tế							
Luật kinh tế 2							
Pháp luật hợp đồng							
Thống kê kinh tế							
Hệ thống thông tin quản lý							
Kiểm toán căn bản							
Quản lý tài sản trí tuệ							
Thị trường chứng khoán							
Quản trị đa văn hóa							
Quản trị thương hiệu 1							
Quản trị chuỗi cung ứng							

(\*) là học phần chuyên ngành có báo cáo thực tế

**Bảng 5: Ma trận chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

<b>Chuẩn đầu ra Học phần</b>	<b>PLO4.1</b>	<b>PLO4.2</b>	<b>PLO4.3</b>	<b>PLO4.4</b>
Triết học Mác – Lênin	x			
Chủ nghĩa xã hội khoa học	x			
Tư tưởng Hồ Chí Minh	x			
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x			
Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	x			
Tiếng Anh 1	x			

Tiếng Anh 2	x			
Tiếng Anh 3	x			
Tin học quản lý	x			
Phương pháp nghiên cứu khoa học	x			
Pháp luật đại cương	x		x	
Toán đại cương	x			
Cơ sở văn hóa Việt Nam	x			
Lịch sử các học thuyết kinh tế	x			
Lịch sử kinh tế Việt Nam	x			
Giáo dục thể chất		x		
Giáo dục quốc phòng	x	x		
Kinh tế vi mô 1	x			
Kinh tế vĩ mô 1	x			
Kinh tế lượng	x			
Nguyên lý quản lý kinh tế	x			
Tiếng Anh chuyên ngành 1	x			
Tiếng Anh chuyên ngành 2	x			
Kinh tế vi mô 2	x			
Kinh tế vĩ mô 2	x			
Kinh tế phát triển	x			
Kinh tế môi trường	x			
Nguyên lý thống kê	x			
Kinh tế thương mại đại cương	x			x
Nhập môn tài chính - tiền tệ	x			
Kinh tế nguồn nhân lực căn bản	x			
Chính phủ điện tử	x		x	
Khởi sự kinh doanh	x			
Luật hành chính	x			
Kinh tế công cộng	x			x
Kinh tế đầu tư (*)	x			
Quản lý nhà nước về kinh tế (*)	x			x
Chính sách kinh tế - xã hội	x			x
Quản lý phát triển kinh tế địa phương	x			x
Quản lý nhà nước về thương mại	x			x
Các phương pháp và mô hình phân tích dự báo kinh tế - xã hội	x			
Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường	x			x
Kinh tế học quản lý	x			
Kinh tế doanh nghiệp	x			
Luật kinh tế 1	x			
Kế hoạch hóa phát triển	x			

Kinh tế quốc tế 1	x			
Quản lý đầu tư kinh doanh bất động sản	x			
Tài chính quốc tế	x			
Quản trị chiến lược	x			
Quản trị dịch vụ	x		x	
Kinh doanh quốc tế	x		x	
Luật kinh tế 2	x			
Pháp luật hợp đồng	x			
Thống kê kinh tế	x			
Hệ thống thông tin quản lý		x		
Kiểm toán căn bản	x			
Quản lý tài sản trí tuệ	x			
Thị trường chứng khoán	x			
Quản trị đa văn hóa	x			
Quản trị thương hiệu 1	x			
Quản trị chuỗi cung ứng	x			

### 10. Hệ thống tính điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm thi theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), có lẻ đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần sau khi đã tính trọng số được qui định trong đề cương học phần và được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển sang điểm chữ là: A+, A, B+, B, C+, C, D+, D (loại đạt) và F (không đạt) (**theo QĐ247/QĐ-ĐHTM-QLĐT ban hành 10/04/2017**)

A (8,5-10)

C (5,5-6,4)

B+(8,0-8,4)

D+(5,0-5,4)

B (7,0-7,9)

D (4,0-4,9)

C+(6,5-6,9)

F (<4,0) – không đạt

- Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

1.	A	tương ứng với	4,0
2.	B+	tương ứng với	3,5
3.	B	tương ứng với	3,0
4.	C+	tương ứng với	2,5
5.	C	tương ứng với	2,0
6.	D+	tương ứng với	1,5
7.	D	tương ứng với	1,0
8.	F	tương ứng với	0,0

## II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

### 1. Cấu trúc

Cấu trúc chương trình dạy học được chia thành 02 khối kiến thức, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với tổng số tín chỉ của chương trình là 131 tín chỉ trong đó 120 TC thuộc các khối kiến thức và 11 TC giáo dục thể chất và quốc phòng.

- Kiến thức giáo dục đại cương: 40 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 91 tín chỉ
- Bao gồm: + Kiến thức cơ sở ngành: 28 tín chỉ
- + Kiến thức ngành, chuyên ngành: 41 tín chỉ
- + Kiến thức bổ trợ: 12 tín chỉ
- + Thực tập và làm tốt nghiệp khóa học: 10 tín chỉ

Thời gian đào tạo chuẩn của chương trình: 04 năm.

### 2. Lộ trình giảng dạy

Năm học	Học kỳ	Học phần	Số TC
1	Kỳ I	Các học phần Kiến thức giáo dục đại cương, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng	10 – 20
	Kỳ II		10 – 20
2	Kỳ III	Các học phần Kiến thức cơ sở ngành, giáo dục thể chất	10 – 25
	Kỳ IV	Các học phần Kiến thức cơ sở ngành, Kiến thức ngành	10 – 25
3	Kỳ V	Các học phần Kiến thức ngành, Kiến thức bổ trợ	10 – 25
	Kỳ VI	Các học phần Kiến thức ngành, Kiến thức bổ trợ	10 – 25
4	Kỳ VII	Các học phần Kiến thức ngành	10 – 25
	Kỳ VIII	Thực tập tổng hợp và làm khóa luận tốt nghiệp	10
		<i>Tổng số</i>	<b>131 TC</b>

### 3. Mô tả vắn tắt các học phần trong chương trình đào tạo đại học ngành Kinh tế chuyên ngành Quản lý kinh tế

TT	Khối kiến thức và các học phần	Số TC	Mô tả vắn tắt HP
1	Kiến thức giáo dục đại cương	40	
1.1	Giáo dục đại cương	29	
1.1.1	Các học phần bắt buộc	27	
1	Triết học Mác -	3	<b>Số tín chỉ: 3 TC (36,9)</b> <b>Điều kiện học phần: 0</b>

	Lênin		<b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	<b>Số tín chỉ: 2 TC (24,6)</b> <b>Điều kiện học phần: 0</b> <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử đó, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và những vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	<b>Số tín chỉ: 2 TC (24,6)</b> <b>Điều kiện học phần: 0</b> <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.
4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	<b>Số tín chỉ: 2TC (24,6)</b> <b>Điều kiện học phần:</b> Môn học trước: Triết học Mác – Lê nin <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> - Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. - Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản

		<p>xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.</li> <li>- Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.</li> <li>- Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</li> <li>- Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.</li> </ul>
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	<p><b>Số tín chỉ: 2 TC (24,6)</b>  <b>Điều kiện học phần: 0</b>  <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng</p>
6	Pháp luật đại cương	<p><b>Số tín chỉ: 2 TC (24,6)</b>  <b>Điều kiện học phần: 0</b>  <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan</p>

		<p>trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm: Khái niệm, đăc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng</p>
7	Tiếng Anh 1	<p><b>Số tín chỉ: 2 TC (24,6)</b>  <b>Điều kiện học phần: 0</b>  <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Tiếng Anh 1 giới thiệu những tình huống thường gặp trong kinh doanh như tự giới thiệu bản thân, giới thiệu về công việc và sở thích, giải quyết những vấn đề thường gặp trên điện thoại, cách thức đặt chỗ, đặt vé tàu, vé máy bay, cách thức gọi món ăn trong nhà hàng, thực hiện một bài nói giới thiệu sản phẩm, cách thức giải quyết những vấn đề cơ bản, cách thức tham gia các cuộc thảo luận nhỏ.v.v.. . Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu và giúp sinh viên thực hành một số hiện tượng ngữ pháp Tiếng Anh cơ bản.</p>
8	Tiếng Anh 2	<p><b>Số tín chỉ: 2 TC (24.6)</b>  <b>Điều kiện học phần:</b> Học phần học trước: Tiếng Anh 1  <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Tiếng Anh 2 giúp sinh viên tiếp tục làm quen với ngôn ngữ Anh văn trong môi trường thương mại. Học phần giới thiệu những tình huống thường gặp trong kinh doanh như giao tiếp trên điện thoại, giao tiếp trên bàn đàm phán, thực hiện một bài thuyết trình về công ty, bày tỏ ý kiến của bản thân về một vấn đề, thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.v.v...Ngoài ra học phần còn giới thiệu một số yếu tố khác như ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh.</p>
9	Tiếng Anh 3	<p><b>Số tín chỉ: 2 TC (24, 6)</b>  <b>Điều kiện học phần:</b> Học phần học trước: Tiếng Anh 2  <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Học phần <i>Tiếng Anh 3</i> được xây dựng dựa trên cuốn Market Leader – Pre-Intermediate (old edition và new edition), gồm 5 bài (units), cung cấp nội dung kiến thức chủ yếu liên quan đến lĩnh vực Tiếng Anh chuyên ngành thương mại ví dụ như ‘lên kế hoạch công việc’, ‘quản lý nguồn nhân lực, ‘những tiêu chí và điều kiện cũng như các kỹ năng, phẩm chất cần có cho những người quản lý trong việc giải quyết những xung đột trong nhân sự, ‘marketing và sản phẩm’, v.v...Trong mỗi bài học hầu hết đều cung cấp cho sinh viên theo các mục : Khởi động, Nghe, Đọc, Từ vựng, Ngữ pháp và Bài tập thực hành với tiêu chí chính là phát triển 4 kỹ năng thực hành ngôn ngữ cho sinh viên. Hơn nữa, Học phần <i>Tiếng Anh 3</i> còn cung cấp cho sinh viên lượng</p>



			từ vựng đáng kể liên quan đến chuyên ngành kinh tế thương mại. Mục tiêu chính của học phần này đó là phục vụ tối đa mục tiêu giao tiếp trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và hỗ trợ phát triển các kỹ năng khác cho sinh viên để ứng dụng tốt trong học tập, nghiên cứu và công việc sau này.
10	Toán đại cương	3	<p><b>Số tín chỉ: 3 TC (36,9)</b></p> <p><b>Điều kiện học phần: 0</b></p> <p><b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính (véc tơ n-chiều và không gian tuyến tính, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, dạng toàn phương) và về phần đầu của Toán Giải tích (số thực, hàm số một biến số, giới hạn, đạo hàm và vi phân).</p>
11	Tin học quản lý	3	<p><b>Số tín chỉ: 3 TC (36,9)</b></p> <p><b>Điều kiện học phần: 0</b></p> <p><b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), trình chiếu văn bản (Powerpoint), bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.</p>
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	<p><b>Số tín chỉ: 2 TC (24,6)</b></p> <p><b>Điều kiện học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học phần tiên quyết: <i>Lý thuyết xác suất và thống kê toán; Tin học đại cương</i></li> <li>- Học phần học trước: <i>Kinh tế lượng</i></li> </ul> <p><b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu, cách thức sử dụng các phương pháp nghiên cứu, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.</p>
1.1.2.	Các học phần tự chọn	2	
1	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	<p><b>Số tín chỉ: 2 TC (24,6)</b></p> <p><b>Điều kiện học phần: 0</b></p> <p><b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Trình bày hoàn cảnh xuất hiện, đặc điểm, phương pháp luận và nội dung các học thuyết của các trường phái kinh tế trong lịch sử, đặc biệt là các vấn đề lý luận về</p>

			kinh tế thị trường, từ Chủ nghĩa Trọng thương (giữa thế kỷ XV) đến nay; Giới thiệu vai trò của Nhà nước (Chính phủ) trong nền kinh tế thị trường; Giải thích các lý thuyết tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển. Liên hệ với mô hình tăng trưởng kinh tế nước ta; Phân tích tư tưởng thương mại quốc tế của phái trọng thương, trọng nông, A.Smith, D.Ricardo và các nhà kinh tế khác để chỉ ra cơ sở, nguyên tắc, nội dung của trao đổi thương mại quốc tế; Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.
2	Lịch sử kinh tế Việt Nam	2	<b>Số tín chỉ: 2 TC (24,6)</b> <b>Điều kiện học phần: 0</b> <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Học phần Lịch sử kinh tế Việt Nam giới thiệu những kiến thức cơ bản nhất về bối cảnh lịch sử, nội dung các chính sách kinh tế và đặc điểm kinh tế Việt Nam qua các thời kỳ: Tiền phong kiến và phong kiến (từ nguyên thủy đến năm 1858), thực dân Pháp thống trị (1858-1945), kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), kinh tế cả nước thời kỳ 1955-1975, kinh tế thời kỳ trước đổi mới (1976-1985) và kinh tế trong 30 năm đổi mới (1986-2016).
3	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	<b>Số tín chỉ: 2 TC (24,6)</b> <b>Điều kiện học phần: 0</b> <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam có nội dung bao gồm: khái quát về cơ sở văn hoá Việt Nam; các thành tố của văn hóa Việt Nam; tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam; văn hóa các vùng Tây Bắc, Việt Bắc, Châu thổ Bắc Bộ, Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ.
2	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>91</b>	
2.1.	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>30</b>	
2.1.1.	<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>19</b>	
1	Kinh tế vĩ mô 1	3	<b>Số tín chỉ: 3 TC (36.9)</b> <b>Điều kiện học phần:</b> Học phần học trước: Kinh tế Vi mô <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về kinh tế vĩ mô, hạch toán thu nhập quốc dân, tiếp theo là các phân tích về tổng cầu

			<p>và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Tiếp theo, học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế, thất nghiệp và lạm phát và cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở.</p>
2	Kinh tế vi mô 1	3	<p><b>Số tín chỉ: 3 TC (36,9)</b>  <b>Điều kiện học phần:</b> Học phần học trước: Kinh tế vi mô  <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế, bản chất kinh tế của ô nhiễm môi trường và tài nguyên thiên nhiên, các vấn đề quản lý môi trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Từ đó, học phần hướng dẫn cho sinh viên những kỹ năng cơ bản của phân tích tác động của phát triển kinh tế đến môi trường và các quy tắc sử dụng tài nguyên tối ưu. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên những công cụ quản lý môi trường có thể áp dụng ở nhiều lĩnh vực như quản lý Nhà nước, giải quyết các vấn đề môi trường trong sản xuất và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.</p>
3	Kinh tế lượng	3	<p><b>Số tín chỉ: 3 TC (36, 9)</b>  <b>Điều kiện học phần:</b> Học phần học trước: Lý thuyết xác suất và thống kê toán  <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Phương pháp ước lượng các mô hình hồi quy hai biến và nhiều biến. Các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (xác định khoảng tin cậy, kiểm định giả thiết về các hệ số hồi quy, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt). Các vấn đề liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy. Chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình</p>
4	Nguyên lý quản lý kinh tế	3	<p><b>Số tín chỉ: 3 TC (36, 9)</b>  <b>Điều kiện học phần: 0</b>  <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý kinh tế. Nội dung chính của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản, có tính nguyên lý về lược sử các tư tưởng kinh tế; bản chất, đặc điểm, vai trò và mục tiêu của quản lý kinh tế; các nguyên tắc, phương pháp và công cụ quản lý kinh tế chủ yếu; cơ cấu tổ chức bộ máy và vấn đề cán bộ quản lý kinh tế; thông tin và quyết định quản lý kinh tế.</p>
5	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	<p><b>Số tín chỉ: 2 TC (24,6)</b>  <b>Điều kiện học phần:</b> Học phần học trước: Tiếng Anh 3  <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Học phần <i>Tiếng Anh chuyên ngành 1</i> được thiết kế đặc thù dành cho các sinh viên đã hoàn thành 3 học phần tiếng Anh cơ sở theo chương trình đào tạo chung của nhà trường. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng</p>

			ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.
6	Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	<b>Số tín chỉ: 2 TC (24,6)</b> <b>Điều kiện học phần:</b> Học phần học trước: TACN 1 <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Học phần <i>Tiếng Anh chuyên ngành 2</i> là sự tiếp nối học phần <i>Tiếng Anh chuyên ngành 1</i> được thiết kế theo định hướng ngôn ngữ thương mại. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.
2.1.2.	<b>Các học phần tự chọn</b>	11	
1	Kinh tế vi mô 2	3	<b>Số tín chỉ: 3 TC (36,9)</b> <b>Điều kiện học phần:</b> Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1 <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Học phần Kinh tế vi mô 2 cung cấp các kiến thức chuyên sâu về lý thuyết hành vi, lý thuyết về hành vi của các hãng đặc biệt là nghiên cứu sâu hơn về các hãng trên thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; phân tích chính sách phân biệt giá của các hãng độc quyền, lý thuyết trò chơi và chiến lược cạnh tranh của doanh nghiệp độc quyền nhóm; Phân tích cân bằng tổng quát và các điều kiện hiệu quả trong thị trường cạnh tranh. Ngoài ra, học phần cũng phân tích về những khuyết tật của thị trường và vai trò của Chính phủ.
2	Kinh tế vĩ mô 2	3	<b>Số tín chỉ: 3 TC (36,9)</b> <b>Điều kiện học phần:</b> Học phần học trước: Kinh tế vĩ mô 1 <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Trong học phần Kinh tế vĩ mô 2, hai chương đầu đề cập đến hoạt động của nền kinh tế trong ngắn hạn bao gồm: phân tích tổng cầu, tổng cung và lý giải các dao động kinh tế trong ngắn hạn, nghiên cứu mô hình phân tích tác động trong ngắn hạn của chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở. Bốn chương tiếp theo đề cập đến hoạt động của nền kinh tế trong

			dài hạn. Trong đó đề cập đến các nội dung về sản xuất và phân bổ sản lượng và trạng thái cân bằng của thị trường hàng hóa dịch vụ, nghiên cứu mối quan hệ giữa tiết kiệm và đầu tư, xuất khẩu ròng và đầu tư nước ngoài ròng, mô hình cân bằng của thị trường vốn vay trong nền kinh tế đóng và nền kinh tế mở, mô hình xác định tỷ giá hối đoái thực và phân tích tác động của các chính sách vĩ mô trong dài hạn. Chương tiếp theo đề cập đến thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn. Lý thuyết về tăng trưởng kinh tế được trình bày ở chương cuối cùng nêu ra các mô hình để giải thích nguyên nhân của tăng trưởng kinh tế trong dài hạn.
3	Kinh tế phát triển	2	<p><b>Số tín chỉ: 2 TC (24,6)</b></p> <p><b>Điều kiện học phần: 0</b></p> <p><b>Mô tả vắn tắt nội dung học phần:</b> Học phần giới thiệu lý thuyết cơ bản về phát triển kinh tế và vận dụng vào thực tiễn các nước đang phát triển. Bản chất của tăng trưởng và phát triển kinh tế, những vấn đề phát triển kinh tế được đặt ra với các nước đang phát triển. Tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, quan hệ giữa tăng trưởng và phúc lợi con người. Các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế : lao động, vốn, công nghệ kỹ thuật. Các chính sách phát triển kinh tế : chính sách phát triển nông thôn, chính sách công nghiệp hoá và sự vận dụng vào đường lối phát triển kinh tế của Việt Nam.</p>
4	Kinh tế môi trường	2	<p><b>Số tín chỉ: 2 TC (24,6)</b></p> <p><b>Điều kiện học phần: 0</b></p> <p><b>Mô tả vắn tắt nội dung học phần:</b> Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế, bản chất kinh tế của ô nhiễm môi trường và tài nguyên thiên nhiên, các vấn đề quản lý môi trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Từ đó, học phần hướng dẫn cho sinh viên những kỹ năng cơ bản của phân tích tác động của phát triển kinh tế đến môi trường và các quy tắc sử dụng tài nguyên tối ưu. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên những công cụ quản lý môi trường có thể áp dụng ở nhiều lĩnh vực như quản lý Nhà nước, giải quyết các vấn đề môi trường trong sản xuất và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.</p>
5	Nguyên lý thống kê	3	<p><b>Số tín chỉ: 3 TC (36,9)</b></p> <p><b>Điều kiện học phần: 0</b></p> <p><b>Mô tả vắn tắt nội dung học phần:</b> Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Nội dung học phần cung cấp cho người học những lý luận cơ bản về khoa học thống kê, các phương pháp</p>

		thống kê bao gồm: Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu; Các phương pháp tính toán các chỉ tiêu đo lường hiện tượng kinh tế xã hội, phương pháp phân tích mối liên hệ, phân tích biến động của hiện tượng theo thời gian, không gian và các phương pháp dự đoán thống kê.
6	Kinh tế thương mại đại cương	<p><b>Số tín chỉ: 2 TC (24,6)</b></p> <p><b>Điều kiện học phần: 0</b></p> <p><b>Mô tả vắn tắt nội dung học phần:</b> Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Nội dung chính của học phần bao gồm: những kiến thức chung về quản lý nhà nước về thương mại như: bản chất kinh tế, chức năng và những tác động về kinh tế, xã hội và môi trường của thương mại; các vấn đề kinh tế cơ bản của thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ; Các kiến thức về lợi thế so sánh và hội nhập kinh tế quốc tế; Phạm trù nguồn lực và hiệu quả kinh tế thương mại.</p>
7	Nhập môn Tài chính – Tiền tệ	<p><b>Số tín chỉ: 3 TC (36.9)</b></p> <p><b>Điều kiện học phần:</b> Học phần học trước: Kinh tế vĩ mô</p> <p><b>Mô tả vắn tắt nội dung học phần: :</b> Học phần đề cập một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính quốc gia trong nền kinh tế thị trường; giới thiệu nội dung hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính Doanh nghiệp, Bảo hiểm, Tín dụng; đề cập đến hình thức tổ chức và nội dung hoạt động của các định chế tài chính trung gian và ngân hàng trung ương, cấu trúc và vận hành thị trường tài chính, các vấn đề về tài chính quốc tế. Bên cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia.</p>
8	Kinh tế nguồn nhân lực căn bản	<p><b>Số tín chỉ: 2 TC (24,6)</b></p> <p><b>Điều kiện học phần: 0</b></p> <p><b>Mô tả vắn tắt nội dung học phần:</b> Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về kinh tế nguồn nhân lực căn bản. Cụ thể học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản về kinh tế nguồn nhân lực; Cung lao động; Cầu lao động; Cân bằng thị trường lao động; Năng suất lao động và nguồn tiềm năng nâng cao năng suất lao động, đầu tư cho vốn nhân lực và tiền lương, thu nhập, mức sống đối với người lao động. Học phần có mối quan hệ với các học phần hoạch định nguồn nhân lực, quản trị nhân lực căn bản và trả công lao động... Học phần góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị nhân lực.</p>

9	Chính phủ điện tử	2	<p><b>Số tín chỉ: 2 TC (24,6)</b></p> <p><b>Điều kiện học phần: 0</b></p> <p><b>Mô tả vắn tắt nội dung học phần:</b> Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về chính phủ điện tử, bao gồm: những vấn đề chung về chính phủ điện tử, công nghệ chính phủ điện tử, các ứng dụng chính của chính phủ điện tử trong quản lý nhà nước, cung ứng các dịch vụ công và mua sắm công, xây dựng, triển khai chính phủ điện tử và một số vấn đề khác trong chính phủ điện tử.</p>
10	Khởi sự kinh doanh	2	<p><b>Số tín chỉ: 2 TC (24,6)</b></p> <p><b>Điều kiện học phần: 0</b></p> <p><b>Mô tả vắn tắt nội dung học phần:</b> Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự ; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.</p>
11	Luật hành chính	3	<p><b>Số tín chỉ: 3 TC (36,9)</b></p> <p><b>Điều kiện học phần: 0</b></p> <p><b>Mô tả vắn tắt nội dung học phần:</b> Đây là học phần thuộc bắt buộc của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế và học phần tự chọn của chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý kinh tế thuộc khối kiến thức cơ sở ngành . Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng pháp lý cơ bản về quản lí hành chính nhà nước. Cụ thể, học phần tập trung nghiên cứu các quy định pháp luật về Quy phạm pháp luật hành chính và Quan hệ pháp Luật hành chính; Các nguyên tắc cơ bản của quản lý hành chính nhà nước; hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước; Thủ tục hành chính; Quyết định hành chính; Địa vị pháp lý hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước; Địa vị pháp lý hành chính của cán bộ, công chức nhà nước; Địa vị pháp lý hành chính của các tổ chức xã hội; Địa vị pháp lý hành chính của công dân, người nước ngoài; Vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính; Các biện pháp bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước.</p>
2.2.	Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)	41	

2.2.1.	<i>Các học phần bắt buộc</i>	30	
1	Kinh tế công cộng	3	<p><b>Số tín chỉ: 3 TC (36,9)</b>  <b>Điều kiện học phần:</b> Học phần học trước: Kinh tế vĩ mô 1  <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản gồm: bản chất, nội dung của khu vực công cộng và tính quy luật phát triển của nó trong mối quan hệ hữu cơ với khu vực tư nhân; những thất bại của thị trường làm cơ sở đề xuất các giải pháp can thiệp của Chính phủ; đánh giá các chính sách can thiệp của Chính phủ theo tiêu chuẩn hiệu quả kinh tế và đảm bảo công bằng xã hội cũng như tác động của những chính sách này tới lợi ích của các đối tượng khác nhau trong xã hội.</p>
2	Kinh tế đầu tư	3	<p><b>Số tín chỉ: 3 TC (36,9)</b>  <b>Điều kiện học phần: 0</b>  <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo kinh tế, quản lý kinh tế và các chuyên ngành khác trong Trường. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết liên quan đến lĩnh vực đầu tư nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể học phần giới thiệu những vấn đề chung về đầu tư và đầu tư phát triển, các nguồn vốn đầu tư, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung của đầu tư công, đầu tư quốc tế và đầu tư phát triển trong doanh nghiệp, kết quả và hiệu quả của hoạt động đầu tư.</p>
3	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	<p><b>Số tín chỉ: 3 TC (36,9)</b>  <b>Điều kiện học phần: 0</b>  <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý nhà nước về kinh tế. Nội dung chính của học phần bao gồm: Những vấn đề chung về quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường; công tác quản lý nhà nước đối với từng lĩnh vực kinh tế chủ yếu như: đầu tư, tài chính - tiền tệ, kinh tế đối ngoại, khoa học - công nghệ và tài nguyên - môi trường; công tác quản lý nhà nước đối với từng loại hình doanh nghiệp, bao gồm cả hai khu vực: doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp ngoài nhà nước; vấn đề đổi mới, hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về kinh tế ở nước ta hiện nay.</p>
4	Chính sách kinh tế - xã hội	2	<p><b>Số tín chỉ: 2 TC (24.6)</b>  <b>Điều kiện học phần: 0</b>  <b>Mô tả vắn tắt nội dung học phần:</b> Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về chính sách kinh tế - xã</p>



			<p>hội. Nội dung chính của học phần bao gồm những kiến thức về: bản chất và vai trò của chính sách kinh tế - xã hội; các nguyên tắc của chính sách kinh tế - xã hội; quá trình hoạch định, tổ chức, thực thi, đánh giá và điều chỉnh chính sách kinh tế - xã hội; các yếu tố ảnh hưởng đến thực thi chính sách; một số chính sách kinh tế - xã hội chủ yếu của nhà nước.</p>
5	Quản lý phát triển kinh tế địa phương	3	<p><b>Số tín chỉ: 3 TC (36,9)</b>  <b>Điều kiện học phần: 0</b>  <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý phát triển kinh tế địa phương. Nội dung chính của học phần bao gồm: những vấn đề chung về quản lý phát triển kinh tế địa phương như: bản chất, cơ chế hình thành và vai trò của quản lý phát triển kinh tế địa phương; một số lý thuyết, mô hình và các công cụ, chính sách quản lý phát triển kinh tế địa phương; quan hệ phát triển kinh tế giữa các địa phương; chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế địa phương.</p>
6	Quản lý nhà nước về thương mại	3	<p><b>Số tín chỉ: 3 TC (36,9)</b>  <b>Điều kiện học phần: 0</b>  <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý của nhà nước đối với các loại hình và hoạt động thương mại. Nội dung chính của học phần bao gồm: bản chất, đặc điểm và vai trò của quản lý nhà nước về thương mại; Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý; các nguyên tắc, phương pháp và công cụ quản lý nhà nước về thương mại; Nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về thương mại; các quan điểm và phương hướng đổi mới công tác quản lý nhà nước đối với thương mại Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.</p>
7	Các phương pháp và mô hình phân tích dự báo KT – XH	2	<p><b>Số tín chỉ: 2 TC (24,6)</b>  <b>Điều kiện học phần: 0</b>  <b>Mô tả vắn tắt nội dung học phần:</b> Học phần Các phương pháp và mô hình phân tích dự báo kinh tế - xã hội giới thiệu các phương pháp dự báo dựa trên mô hình hồi quy nhiều biến (dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt), các kỹ thuật phân tích và dự báo trên chuỗi thời gian (các kỹ thuật san, phương pháp Box-Jenkins).</p>
8	Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường	3	<p><b>Số tín chỉ: 3 TC (36,9)</b>  <b>Điều kiện học phần: 0</b>  <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài nguyên, môi trường và công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực này thông qua việc giới thiệu khái niệm, mục tiêu, chức năng, các nội dung, nguyên tắc và bộ máy tổ chức quản</p>

		lý nhà nước về tài nguyên và môi trường. Học phần đi sâu phân tích các công cụ luật pháp, công cụ kinh tế và quy hoạch bảo vệ tài nguyên và môi trường được sử dụng trong quá trình quản lý nhà nước về lĩnh vực này.
9	Kinh tế học quản lý	<p><b>Số tín chỉ: 3 TC (36,9)</b></p> <p><b>Điều kiện học phần:</b> Học phần trước: Kinh tế vi mô 1</p> <p><b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Kinh tế học quản lý là học phần bắt buộc thuộc nhóm kiến thức ngành kinh tế, là khoa học kinh tế vi mô ứng dụng. Học phần sử dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng để ước lượng và dự báo cung - cầu, sản xuất, chi phí sản xuất; phân tích và nghiên cứu sâu về hành vi lựa chọn của người tiêu dùng và của doanh nghiệp trong các trường hợp chắc chắn, rủi ro và bất định. Thêm vào đó, học phần nghiên cứu việc ra quyết định của các nhà quản lý trong các cấu trúc thị trường khác nhau dựa vào các kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất - kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác, giúp người học tiếp cận những học phần chuyên ngành chuyên sâu thuộc các chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh.</p>
10	Kinh tế doanh nghiệp	<p><b>Số tín chỉ: 2 TC (24.6)</b></p> <p><b>Điều kiện học phần:</b> Học phần trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1</p> <p><b>Mô tả vắn tắt nội dung học phần:</b> Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về hoạt động kinh tế, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đảm bảo cho hoạt động kinh tế của doanh nghiệp. Học phần có vị trí là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, kinh tế quốc tế, marketing; Là học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành: Quản lý kinh tế, quản trị nhân lực; Là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ của các chuyên ngành: Kế toán, tài chính ngân hàng trong Trường. Cụ thể học phần giới thiệu những vấn đề chung về hoạt động kinh tế của doanh nghiệp; Các hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ của doanh nghiệp; Các nguồn lực chủ yếu và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đảm bảo cho hoạt động kinh tế của doanh nghiệp; Đánh giá kết quả, hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp. Học phần có mối quan hệ với các học phần thuộc khối ngành kinh tế và quản trị nhân lực trong chương trình đào tạo quản lý kinh tế và các chuyên ngành khác trong Trường.</p>
11	Luật kinh tế 1	<p><b>Số tín chỉ: 3 TC (36,9)</b></p> <p><b>Điều kiện học phần:</b> Học phần học trước: Lý luận Nhà nước và Pháp luật</p> <p><b>Mô tả vắn tắt nội dung học phần:</b> Là học phần thuộc nhóm kiến</p>

			thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu các quy định pháp luật về loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hợp tác xã và hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhà nước; Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về phá sản và luật phá sản; thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản của thương nhân. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần chuyên ngành khác. Học phần này được nghiên cứu sau khi sinh viên đã nắm được kiến thức cơ bản ở các học phần cơ sở ngành.
2.2.2.	<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>11</b>	
1	Kế hoạch hóa phát triển	2	<p><b>Số tín chỉ: 2 TC (24,6)</b>  <b>Điều kiện học phần: 0</b>  <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về kế hoạch hóa phát triển. Nội dung chính của học phần bao gồm: Bản chất của kế hoạch hóa phát triển, gồm: bản chất của kế hoạch hóa tập trung và kế hoạch hóa định hướng; quá trình và một số vấn đề đổi mới công tác kế hoạch hóa ở Việt Nam; các nội dung kế hoạch hóa phát triển như: dự báo, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội; kế hoạch tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế; vấn đề về cân đối ngân sách trong kế hoạch phát triển.</p>
2	Kinh tế quốc tế 1	3	<p><b>Số tín chỉ: 3 TC (36,9)</b>  <b>Điều kiện học phần: 0</b>  <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các lý thuyết thương mại quốc tế, giải thích lý do xuất hiện dòng di chuyển hàng hóa giữa các quốc gia. Học phần cũng giới thiệu các mô hình thương mại quốc tế, sự hình thành và thay đổi giá cả trên thị trường quốc tế, khả năng chấp nhận thương mại của các quốc gia. Bên cạnh đó, học phần xem xét ảnh hưởng của tăng trưởng đối với thương mại quốc tế trong điều kiện nền kinh tế mở.</p>
3	Quản lý đầu tư kinh doanh bất động sản	2	<p><b>Số tín chỉ: 2 TC (24,6)</b>  <b>Điều kiện học phần: 0</b>  <b>Mô tả vắn tắt nội dung học phần:</b> Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý đầu tư kinh doanh bất động sản. Học phần có vị trí là học phần thuộc khối kiến thức ngành của chuyên ngành Quản lý kinh tế. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết liên quan đến lĩnh</p>

			<p>vực đầu tư kinh doanh bất động sản nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể học phần giới thiệu những vấn đề chung về bất động sản và quản lý đầu tư kinh doanh bất động sản; Thị trường bất động sản; Định giá bất động sản; Hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản; Quản lý nhà nước về đầu tư kinh doanh bất động sản. Học phần có mối quan hệ với các học phần thuộc khối ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, quản trị nhân lực trong chương trình đào tạo quản lý kinh tế và một số chương trình đào tạo có liên quan trong Trường.</p>
4	Tài chính quốc tế	3	<p><b>Số tín chỉ: 3 TC (36,9)</b>  <b>Điều kiện học phần: 0</b>  <b>Mô tả vắn tắt nội dung học phần:</b> Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về hoạt động tài chính diễn ra trên bình diện quốc tế, các định chế tài chính quốc tế, các giao dịch trên thị trường ngoại hối và chính sách điều hành tỉ giá hối đoái, các hoạt động thanh toán, đầu tư, tín dụng và hỗ trợ phát triển chính thức, liên minh thuế quan giữa các quốc gia và cán cân thanh toán quốc tế</p>
5	Quản trị chiến lược	3	<p><b>Số tín chỉ: 3 (36,9)</b>  <b>Điều kiện học phần:</b> Học phần học trước: Quản trị học  <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Học phần QTCL là học phần ngành cơ sở của ngành QTKD, bao gồm những kiến thức căn bản về những nguyên lý QTCL và sự vận dụng thực tiễn trong DN. Học phần QTCL bao gồm 7 chương gắn với 03 giai đoạn của QTCL từ hoạch định chiến lược đến triển khai chiến lược và kiểm tra, đánh giá chiến lược. Chương 1 của học phần giới thiệu tổng quan về QTCL với những khái niệm cơ bản, mô hình và các giai đoạn QTCL của DN. Chương 2, 3, 4 và 5 là các chương chi tiết hóa các bước trong hoạch định chiến lược, trong đó chương 2 nghiên cứu tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu chiến lược; chương 3 và chương 4 giới thiệu các nội dung và công cụ phân tích môi trường bên trong và bên ngoài; chương 5 giới thiệu các loại hình chiến lược cấp công ty và cấp kinh doanh cũng như các công cụ phân tích chiến lược. Chương 6 tập trung vào các nội dung tổ chức triển khai chiến lược và chương 7 kiểm tra và đánh giá chiến lược.</p>
6	Quản trị dịch vụ	3	<p><b>Số tín chỉ: 3 TC (36, 9)</b>  <b>Điều kiện học phần:</b> Học phần học trước: Quản trị học  <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Học phần Quản trị dịch vụ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành của chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn; là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ của chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng thương mại và là học phần tự chọn của nhiều chuyên</p>

			<p>ngành khác. Học phần Quản trị dịch vụ góp phần giúp sinh viên có kiến thức quản trị đối với dịch vụ nói chung và là cơ sở dẫn dắt sinh viên tiếp cận và vận dụng quản trị chuyên sâu đối với lĩnh vực dịch vụ cụ thể - đó là quản trị dịch vụ du lịch và lễ hành, quản trị khách sạn, tài chính – ngân hàng,... Sau khi học xong học phần, sinh viên có kiến thức khái quát về quản trị dịch; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.</p>
7	Kinh doanh quốc tế	3	<p><b>Số tín chỉ: 3 TC (36,9)</b>  <b>Điều kiện học phần: 0</b>  <b>Mô tả vắn tắt nội dung học phần:</b> Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.</p>
8	Luật kinh tế 2	3	<p><b>Số tín chỉ: 3 TC (36,9)</b>  <b>Điều kiện học phần:</b> Học phần học trước: Luật kinh tế 1  <b>Mô tả vắn tắt nội dung học phần:</b> Đây là học phần tự chọn của các chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý kinh tế, Tài chính ngân hàng thương mại và Tài chính công của Trường đại học Thương mại. Học phần cung cấp kiến thức pháp lý chung điều chỉnh các hoạt động thương mại phổ biến như mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ... và một số hoạt động thương mại đặc thù như nhượng quyền thương mại, gia công hàng hóa, đấu thầu, đấu giá; các chế tài được áp dụng khi một bên có hành vi vi phạm; các phương thức giải quyết tranh chấp giữa các bên trong kinh doanh thương mại. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo này nhằm giúp người học đạt được mục tiêu của chương trình đào tạo.</p>
9	Pháp luật	3	<p><b>Số tín chỉ: 3 TC (36,9)</b></p>

	hợp đồng		<p><b>Điều kiện học phần:</b> Học phần học trước: Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Luật Dân sự 1 hoặc Pháp luật Đại cương</p> <p><b>Mô tả văn tắt nội dung học phần:</b> Học phần <i>Pháp luật Hợp đồng</i> nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về hợp đồng và pháp luật về hợp đồng ở Việt nam gồm khái niệm, các tiêu chí để nhận diện bản chất pháp lý của các loại hợp đồng; nguồn luật về hợp đồng và các nguyên tắc áp dụng pháp luật về hợp đồng. Trên cơ sở những vấn đề lý luận nêu trên, học phần đề cập tới các nội dung pháp lý cụ thể gắn liền với vấn đề Giao kết hợp đồng và Thực hiện hợp đồng gồm: Xác định sự hình thành hợp đồng; các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng, hợp đồng vô hiệu và xử lý hợp đồng vô hiệu; cơ sở pháp lý cho việc giải thích hợp đồng; thay đổi, đình chỉ, hủy bỏ hợp đồng; trách nhiệm pháp lý khi có sự vi phạm hợp đồng. Từ những vấn đề lý luận và nội dung pháp lý nền tảng về hợp đồng nêu trên học phần tập trung nghiên cứu những quy định của pháp luật hiện hành về các loại hợp đồng thông dụng phát sinh trong quá trình chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản và trong quá trình thực hiện các dịch vụ khác nhau trong đời sống kinh tế xã hội hiện nay.</p>
10	Thống kê kinh tế	2	<p><b>Số tín chỉ: 2 TC (24,6)</b></p> <p><b>Điều kiện học phần:</b> Học phần học trước: Nguyên lý thống kê</p> <p><b>Mô tả văn tắt học phần:</b> Học phần cung cấp cho người học những kiến thức của thống kê kinh tế như: Đối tượng nghiên cứu, hệ thống tài khoản quốc gia; thống kê các chỉ tiêu phản ánh nguồn lực của nền kinh tế quốc dân và việc sử dụng các nguồn lực này; thống kê kết quả sản xuất thông qua chỉ tiêu giá trị sản xuất, tổng sản phẩm trong nước; thống kê ngân sách nhà nước, tiền tệ và tín dụng.</p>
2.3.	<b>Kiến thức bổ trợ</b>	12	
2.3.1.	<b>Các học phần bắt buộc</b>	6	
1	Hệ thống thông tin quản lý	3	<p><b>Số tín chỉ: 3 TC (36,9)</b></p> <p><b>Điều kiện học phần:</b> Học phần trước: Tin học quản lý</p> <p><b>Mô tả văn tắt học phần:</b> Học phần trình bày các khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, các thành phần cấu thành và vai trò của hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp; Học phần cũng giới thiệu nền tảng các công nghệ được ứng dụng trong hệ thống thông tin quản lý, quy trình, phương pháp và các công cụ được sử dụng để xây dựng, quản trị</p>

			hệ thống thông tin của tổ chức. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu các thành phần và cơ chế hoạt động của các hệ thống thông tin phổ biến trong các tổ chức, doanh nghiệp.
2	Kiểm toán căn bản	3	<b>Số tín chỉ: 3 TC (36,9)</b> <b>Điều kiện học phần: 0</b> <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Học phần Kiểm toán căn bản cung cấp kiến thức lý luận cơ bản về kiểm toán như: phân loại kiểm toán, các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán, qui trình và phương pháp kiểm toán, tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán.
2.3.2	<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>6</b>	
1	Quản lý tài sản trí tuệ	3	<b>Số tín chỉ: 3 TC (36,9)</b> <b>Điều kiện học phần: 0</b> <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Đây là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ chuyên ngành, cung cấp những kiến thức căn bản về quản lý các tài sản trí tuệ trên cả 2 phạm trù là quản lý nhà nước và quản trị trong các doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu khoa học như các trường đại học, các viện nghiên cứu... Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần bao gồm: Khái quát chung về tài sản trí tuệ và các quyền đối với tài sản trí tuệ; Nhận diện và phân định các loại tài sản trí tuệ trong các doanh nghiệp, tổ chức; Các quy định pháp lý về các đối tượng sở hữu trí tuệ và những vấn đề cơ bản Quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; Nguồn vốn trí tuệ và quản lý quá trình hình thành các tài sản trí tuệ; Quản lý và xác lập các quyền đối với các tài sản trí tuệ (như quyền tài sản, quyền nhân thân, quyền sử dụng và quyền quản lý); Quản lý quá trình sử dụng, khai thác và phát triển các tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp, tổ chức; Định giá và chuyển giao các tài sản trí tuệ của tổ chức doanh nghiệp.
2	Thị trường chứng khoán	3	<b>Số tín chỉ: 3 TC (36,9)</b> <b>Điều kiện học phần: 0</b> <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán; hoạt động phát hành, niêm yết và giao dịch chứng khoán; hệ thống lưu ký, thanh toán bù trừ và thông tin trên thị trường chứng khoán, các phương pháp phân tích đầu tư chứng khoán; và quản lý Nhà nước đối với TTCK.
3	Quản trị đa văn hóa	3	<b>Số tín chỉ: 3 TC (36,9)</b> <b>Điều kiện học phần: 0</b>

			<p><b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Học phần bao gồm những kiến thức về văn hóa, các khía cạnh của văn hóa và ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động quản trị và các chiến lược quản trị đa văn hóa. Học phần cũng bao gồm những kiến thức về văn hóa tổ chức của doanh nghiệp và sự khác biệt trong văn hóa tổ chức ở các công ty đa quốc gia cũng như ở một số quốc gia trên thế giới, về ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động giao tiếp và đàm phán thương mại quốc tế, sự khác biệt về phong cách lãnh đạo qua các nền văn hóa.</p>
4	Quản trị thương hiệu 1	3	<p><b>Số tín chỉ: 3 TC (36,9)</b>  <b>Điều kiện học phần: 0</b>  <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu từ tư duy chiến lược đến thực tiễn triển khai. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận khác nhau về thương hiệu và những yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; các biện pháp bảo vệ thương hiệu và kỹ năng xử lý các tình huống tranh chấp thương hiệu; hoạt động truyền thông thương hiệu; định hướng phát triển thương hiệu.</p>
5	Quản trị chuỗi cung ứng	3	<p><b>Số tín chỉ: 3 TC (36,9)</b>  <b>Điều kiện học phần:</b> Học phần tiên quyết: Kinh tế học  <b>Mô tả vắn tắt học phần:</b> Với mục đích cung cấp một hệ thống kiến thức tổng quan và hàn lâm về hoạt động quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh toàn cầu hóa, học phần quản trị chuỗi cung ứng được kết cấu theo 3 nội dung chính của kiến thức quản trị chuỗi cung ứng hiện đại và kết nối thành 6 chương .Phần thứ nhất với chủ đề: <i>Cấu trúc chuỗi cung ứng</i> đề cập qua chương 1 với các kiến thức cơ bản về chuỗi cung ứng, cấu trúc chuỗi cung ứng, bản chất, mục tiêu của quản trị chuỗi cung ứng với 5 nhân tố động năng quyết định mục tiêu quản trị chuỗi cung ứng. Chương này nhấn mạnh vào đặc điểm riêng có của cấu trúc chuỗi cung ứng hiện đại, đó là một thực thể thống nhất gồm nhiều tổ chức, có khả năng tự điều chỉnh trong tương quan cung cầu trên thị trường. Sức mạnh của chuỗi cung ứng là sức mạnh tổng thể của các thành viên. Hiệu quả và hiệu lực của quản trị chuỗi cung ứng phục thuộc vào sự liên kết, khả năng tự điều chỉnh, kết nối, tích hợp giữa các thành phần trong chuỗi.  Phần thứ hai trình bày <i>các quá trình quản trị cơ bản liên kết các thành phần và tổ chức trong các cấu trúc chuỗi cung ứng đã thiết lập</i>, được tập hợp vào 3 chương. Chương 2: lập kế hoạch chuỗi</p>



		<p>cung ứng và định dạng mô hình sản xuất; chương 3: mua hàng và quản lý nguồn cung; chương 4: Phân phối và thu hồi. Đây là những quá trình cơ bản nhất cho phép tạo ra sự liên kết thống nhất giữa khả năng cung ứng của mỗi doanh nghiệp và chuỗi cung ứng của nó với nhu cầu trên thị trường.</p> <p>Phần ba giải quyết vấn đề <i>thông tin, tích hợp và đánh giá hoạt động quản trị chuỗi cung ứng</i>. Mức độ phát triển, hiệu quả và hiệu lực của các chuỗi cung ứng trong các thị trường khác nhau là không giống nhau và phụ thuộc vào trình độ tự quản lý và năng lực tích hợp của chuỗi cung ứng. Chương 5 triển khai công cụ quan trọng nhất trong quản lý chuỗi cung ứng và nền tảng cho tích hợp chuỗi cung ứng là hệ thống thông tin, đồng thời cung cấp các kiến thức và mô hình liên kết tích hợp giữa các thành viên tham gia chuỗi cung ứng. Chương 6 đề cập đến hoạt động đánh giá kết quả quản trị chuỗi cung ứng qua các phương pháp và chỉ tiêu cơ bản.</p>
--	--	---

#### **4. Chương trình thực tập tốt nghiệp**

Khóa luận tốt nghiệp của CTĐT Kinh tế chuyên ngành Quản lý kinh tế nhằm giúp sinh viên tiếp cận, tìm hiểu hoạt động thực tiễn, giúp tăng cường và rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học, áp dụng phương pháp nghiên cứu khoa học vào thực tiễn hoạt động kinh doanh và quản trị. Với cách tiếp cận này, sinh viên vừa có cơ hội tận dụng được 14 tuần để tìm hiểu về thực tiễn nghề nghiệp, vừa phát triển được năng lực nghiên cứu khoa học. Nếu như trước đây, khóa luận tốt nghiệp chỉ hướng đến những sinh viên có đam mê nghiên cứu, trở thành nhà nghiên cứu, giảng viên hay theo đuổi các bậc học sau đại học. Thì bây giờ, với định hướng đổi mới, cải tiến về khóa luận tốt nghiệp gắn liền với thực tiễn, sinh viên có thể thực hiện đề tài khoa học ứng dụng, bằng cách thâm nhập vào thực tế, tìm hiểu và giải quyết vấn đề thực tế của doanh nghiệp dựa trên hệ thống cơ sở lý luận và phương pháp khoa học rõ ràng. Và như vậy đồng nghĩa với việc sinh viên có thể thực tiễn hóa được hoạt động nghiên cứu khoa học, làm cho đề tài khóa luận của sinh viên trở nên phong phú và đa dạng hơn theo vấn đề đang gặp phải của doanh nghiệp, của xã hội.

Sinh viên dành tổng cộng 12 tuần trong giai đoạn này, trong đó chia làm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: 04 tuần đầu làm tại đơn vị thực tập tối thiểu 20h / tuần dưới sự giám sát của một người phụ trách tại đơn vị thực tập và giáo viên hướng dẫn. Trong 4 tuần đầu tiên, sinh viên hoàn thành báo cáo thực tập tổng hợp và đề xuất đề tài khóa luận
- Giai đoạn 2: 08 tuần tiếp theo làm tại đơn vị thực tập tối thiểu 20h / tuần dưới sự giám sát của một người phụ trách tại đơn vị thực tập và giáo viên hướng dẫn và hoàn thành Khóa luận tốt nghiệp.

Các vị trí thực tập của sinh viên sẽ được Khoa hỗ trợ tìm kiếm và kết nối với Doanh nghiệp trên cơ sở một mạng lưới liên kết với các Doanh nghiệp và cựu sinh viên

mà Khoa đã thiết lập được từ năm 2011 đến nay. Sự tham gia ngày càng lớn mạnh của các Doanh nghiệp trong việc tuyển dụng các thực tập sinh tiềm năng đã thể hiện được uy tín và lợi ích của chương trình Internship ngành Kinh tế chuyên ngành Quản lý kinh tế mang lại cho cộng đồng. Đồng thời, chương trình thực sự đã đưa đến kinh nghiệm làm việc thực sự rất có giá trị cho sinh viên trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Chương trình cung cấp không chỉ quyền tiếp cận cơ hội thực tập trong 3 tháng cho sinh viên mà sau đó họ có thể được tuyển dụng làm việc thực sự.

### **5. Hoạt động ngoại khóa**

Ngoài các giờ học và nghiên cứu khoa học, sinh viên khoa Kinh tế - Luật còn được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa của Khoa và của Trường, đặc biệt là hoạt động của các câu lạc bộ như câu lạc Bộ sinh viên, câu lạc bộ thanh niên tình nguyện (VFEL), câu lạc bộ thực hành luật TMU... giúp sinh viên rèn luyện và phát triển toàn diện các kỹ năng mềm. Khoa Kinh tế - Luật và Trường luôn chú trọng tổ chức các chương trình định hướng nghề nghiệp cho sinh viên với các khách mời là những chuyên gia thực tiễn tại các tổ chức nghề nghiệp nhằm truyền cảm hứng và giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

### **6. Hoạt động NCKH**

Là một khoa trực thuộc của trường đại học định hướng nghiên cứu, sinh viên khoa Kinh tế - Luật luôn được khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học, được tạo điều kiện cộng điểm rèn luyện hoặc cộng điểm NCKH (0,5 – 1 điểm) vào Khóa luận tốt nghiệp. Hàng năm, khoa Kinh tế - luật đều thu hút được một lượng lớn sinh viên tham gia NCKH, lựa chọn các chủ đề nghiên cứu mới, phù hợp với thế mạnh nghiên cứu của giảng viên. Hội nghị NCKH sinh viên hàng năm đều được tổ chức với hệ thống các tiêu chí rõ ràng nhằm đánh giá công bằng và khách quan chất lượng các công trình NCKH. Thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học, sinh viên có cơ hội phát triển khả năng tư duy sáng tạo, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tế và phát huy khả năng tự khám phá tri thức.

### **7. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo**

Chương trình này được áp dụng từ năm 2020 cho sinh viên ngành Kinh tế chuyên ngành Quản lý kinh tế. Quá trình giảng dạy dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, yêu cầu nguồn nhân lực và các yêu cầu cụ thể. Tùy thuộc vào định hướng cá nhân, các cố vấn học tập của khoa sẽ khuyến khích sinh viên chọn các khóa học tự chọn phù hợp.

Trưởng khoa có trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc xây dựng các giáo trình chi tiết để đảm bảo các mục tiêu, nội dung và yêu cầu được thỏa mãn/hài lòng và đáp ứng nhu cầu của sinh viên và xã hội.

**TRƯỞNG KHOA KINH TẾ - LUẬT**

(Đã ký)

**PGS, TS. Hà Văn Sự**